

**TÒA ÁN N1 DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27.8.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**N1 DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Yến Trinh**

*Các hội thẩm N1 dân:* 1. Ông **Nguyễn Ngọc Thi**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hứa Lệ N**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 209 Ấp Phước Hưng, xã P, huyện CG, tỉnh Long An

- *Bị đơn:* Anh **Trương Hoàng N1**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Ấp Xóm Chùa, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hứa Lệ N trình bày như sau: Chị và anh N1 cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An, hôn nhân do tìm hiểu tự nguyện. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N1 không quan tâm chăm sóc vợ con và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 3/2020 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trương Anh T, sinh ngày 03/9/2011, hiện đang ở với anh N1. Khi ly hôn chị yêu cầu để anh N1 tiếp tục nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Trương Hoàng N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Về thời gian vợ chồng chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian ly thân đúng như chị N đã trình bày. Về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị N tự ý chơi hụi giùm cho bạn và vay tiền ngân hàng không thông qua ý kiến của anh, khi anh biết được thì vợ chồng xảy ra tranh cãi. Việc chị N nói anh không quan tâm, chăm sóc vợ con là không đúng mà khi anh tỏ sự quan tâm như gọi điện thoại hoặc rước vợ đi làm về thì chị N không đồng ý. Về vấn đề ghen tuông thì không phải vô cớ như chị N trình bày mà do chị N gọi điện thoại cho người đàn ông khác nên anh mới ghen. Từ tháng 3/2020 chị N bỏ nhà đi và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh có đến năn nỉ nhiều lần để chị N quay về vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Sau này anh sẽ cố gắng quan tâm đến gia đình, vợ con nhiều hơn.

Về con chung: Có 01 đứa con chung như chị N trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hứa Lệ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Hoàng N1 là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên tòa chị N cương quyết xin được ly hôn với anh N1 vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc. Anh N1 không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân anh N1 đã nhiều lần đến gặp chị N để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không được và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh N1 cũng không đưa ra được giải pháp để thuyết phục chị N quay về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Do đó áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh N1.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trương Anh T, sinh ngày 03/9/2011, hiện đang ở với anh N1. Chị N và anh N1 thỏa thuận thống nhất để anh N1 tiếp tục nuôi con chung và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hứa Lệ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hứa Lệ N được ly hôn với anh Trương Hoàng N1.

2. Về nuôi con chung: Anh N1 được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Anh T, sinh ngày 03/9/2011 và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hứa Lệ N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008440 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN THỊ YẾN TRINH**

**Thành Viên  
Hội Đồng Xét Xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Yến Trinh**





























